TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Huy Tùng.
2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Anh Th, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, thị trấn Đ, huyện Đề, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1995 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Anh Th trình bày: Vào năm 2017 bà Th và ông Lê Quốc T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông T cờ bạc không lo làm ăn. Bà Th đã về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 8/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống bà Th và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quốc T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Th, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Th với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Lê Quốc T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh Th, nhận thấy bà Th và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Bà Th và ông T chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà Th và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Th xác định bà và ông T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Lê Thị Anh Th với ông Lê Quốc T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Lê Thị Anh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Anh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Anh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005931, ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Lê Quốc Tuấn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh